

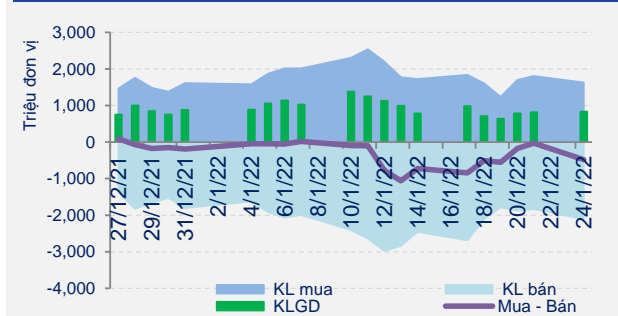
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/1/2022

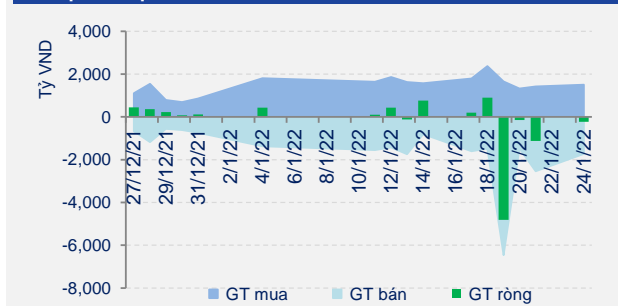
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,439.71	400.76
% Thay đổi	↓ -2.25%	↓ -4.09%
KLGD (CP)	828,129,869	116,431,705
GTGD (tỷ đồng)	24,787.13	3,221.85
Tổng cung (CP)	2,107,303,400	157,913,000
Tổng cầu (CP)	1,626,581,200	122,572,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	44,915,720	708,032
KL mua (CP)	35,164,700	785,200
GT mua (tỷ đồng)	1,504.25	32.51
GT bán (tỷ đồng)	1,728.50	28.31
GT ròng (tỷ đồng)	(224.25)	4.20

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -3.78%	22.2	3.5	1.8%
Công nghiệp	↓ -4.22%	24.2	3.3	13.9%
Dầu khí	↓ -1.47%	20.3	2.1	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.81%	-	9.8	2.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -2.25%	16.0	2.5	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -3.36%	22.2	4.0	7.3%
Ngân hàng	↑ 0.37%	12.8	2.2	24.0%
Nguyên vật liệu	↓ -5.88%	10.0	2.3	12.9%
Tài chính	↓ -3.65%	21.4	3.3	31.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.30%	17.7	2.7	2.2%
VN - Index	↓ -2.25%	17.5	3.0	
HNX - Index	↓ -4.09%	23.2	4.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường thời điểm năm hết Tết đến tiếp tục đi theo xu hướng đã xảy ra trong các năm trước đó khi mà nhà đầu tư tranh thủ bán cổ phiếu để có thể rút tiền về trước Tết. Bên cạnh đó, bên mua cũng không hoạt động sôi nổi trong giai đoạn này khiến thanh khoản có phiên thứ 7 liên tiếp dưới mức trung bình. Trong nhóm VN30 (-2,05%) có đến 24 mã giảm trong phiên hôm nay, trong đó có 3 mã giảm sàn đã tạo ra áp lực điều chỉnh mạnh trên thị trường SSI (-7%), GVR (-6,9%), POW (-6,9%), VRE (-6,3%), HPG (-6%), TPB (-5,6%), MSN (-5,3%), PDR (-4,9%), VHM (-4%), STB (-3,8%), FPT (-3,3%), KDH (-3,3%), BVH (-2,7%), MWG (-2,5%), VPB (-2,5%), NVL (-2,4%), SAB (-2%)... Một vài cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng là điểm sáng trong phiên hôm nay đã giúp kim hãm mức giảm của thị trường MBB (+0,9%), TCB (+1%), CTG (+0,3%), ACB (+2,7%), VCB (+4,3%)... Trong bối cảnh thị trường chứng khoán giảm mạnh thì cổ phiếu chứng khoán có thêm một phiên giao dịch khá thê thảm khi hàng loạt mã bị bán xuống giá sàn như SSI (-7%), VND (-7%), SHS (-10%), VCI (-6,9%), HCM (-7%), VIX (-6,9%), ART (-9,9%), AGR (-6,9%)... Nhóm bất động sản xây dựng sau khi được giải cứu trong hai phiên cuối tuần trước đã quay trở lại trạng thái giảm mạnh trong phiên đầu tuần CEO (-9,1%), DIG (-7%), KBC (-4,4%), VHM (-4%), HAG (-7%), FLC (-7%), CII (-7%), NLG (-7%), DXG (-7%), SCR (-6,8%), ITA (-6,9%), HQC (-7%), ROS (-7%), LCG (-7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục có thêm một phiên đầu tuần đỏ lửa sau phiên thứ 2 tuần trước. Mức giảm trong phiên hôm nay (-2,3%) là thấp hơn mức giảm của phiên 17/1 (-2,9%) do thị trường đã về vùng giá thấp hơn. Tâm lý nghi Tết đang tạo ra những ảnh hưởng trên thị trường biểu hiện qua việc thanh khoản khớp lệnh 7 phiên liên tiếp dưới mức trung bình và áp lực bán để rút tiền ra trước Tết đang áp đảo bên mua cổ phiếu. Với phiên giảm hôm nay, VN-Index lại rơi về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm tương ứng với vùng đáy thị trường trong tháng 1/2021. Chúng tôi đánh giá đây là vùng hỗ trợ tương đối mạnh và là vùng giá hấp dẫn để nhà đầu tư tiếp tục tích lũy cổ phiếu để hướng đến sóng tăng của thị trường có thể diễn ra sau Tết. Theo thống kê, điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19). Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 và phiên 18/1 đã gia tăng tỷ trọng trong phiên hôm nay có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm trong phiên tiếp theo.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và mạnh dần về cuối phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.432,18 điểm. Về cuối phiên, cầu bắt đáy gia tăng nhẹ giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, VN-Index giảm 33,18 điểm (-2,25%) xuống 1.439,71 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 3.200 đồng, HPG giảm 2.600 đồng, MSN giảm 8.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB tăng 3.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 421,63 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và đã giảm mạnh dần về cuối phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 400,67 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 17,08 điểm (-4,09%) xuống 400,76 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB giảm 2.500 đồng, THD giảm 3.300 đồng, SHS giảm 4.100 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB tăng 300 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 225,02 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 7,8 triệu đơn vị. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 206,9 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DGW với 84,7 tỷ đồng tương ứng với 948 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã được mua ròng nhiều nhất với 75,3 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 3,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 77 nghìn cổ phiếu. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,1 tỷ đồng tương ứng với 198 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 5,1 tỷ đồng tương ứng với 172 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NTP là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,5 tỷ đồng tương ứng với 180 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là tâm lý nghỉ Tết sớm đang hiện hữu trên thị trường trong bối cảnh chỉ còn 1 tuần nữa là đến kỳ nghỉ Tết.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm mạnh này (-2,3%) thì chỉ số VN-Index đã lùi về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm (tương ứng với đáy của chỉ số vào tháng 12/2021). Đây là vùng hỗ trợ tương đối mạnh của chỉ số nên kỳ vọng nhịp rơi nếu có tiếp diễn sẽ duy trì trong vùng giá này.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 25/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ bước vào giai đoạn giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.400-1.425 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng trở lại thì chỉ số VN-Index có thể test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Xuất khẩu 57,54 tỷ USD điện thoại và linh kiện Made-in-Vietnam

Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, điện thoại và linh kiện là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất trong năm 2021.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,4 - 62,05 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 15 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 24/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.062 VND/USD, giảm 15 đồng so với cuối tuần qua.

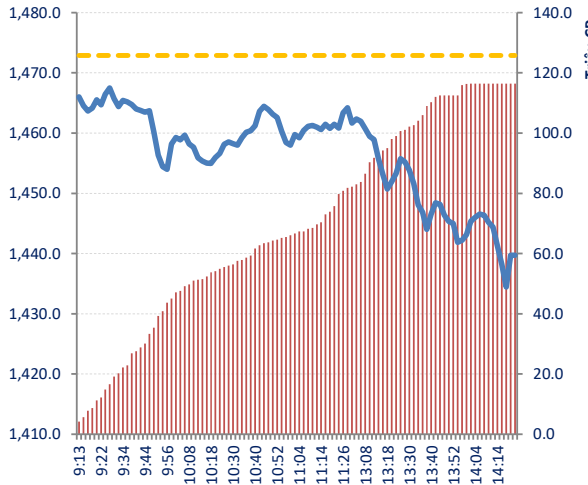
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 11 USD/ounce tương ứng với 0,6% lên 1.842,75 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,052 điểm tương ứng 0,05% lên 95,690 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1335 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3535 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,56 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,19 USD/thùng tương ứng với 0,16% lên 85,3 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 21/1, Dow Jones giảm 450,02 điểm tương đương 1,3% xuống 34.265,37 điểm. Nasdaq giảm 385,1 điểm tương đương 2,72% xuống 13.768,92 điểm. Nasdaq Composite giảm 84,79 điểm tương đương 1,89% xuống 4.397,94 điểm.

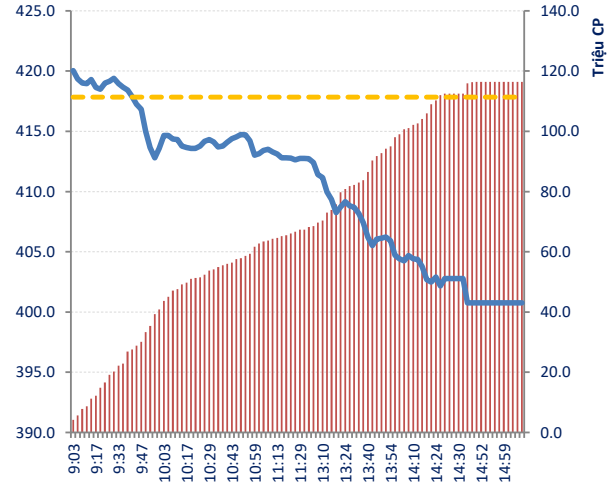


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

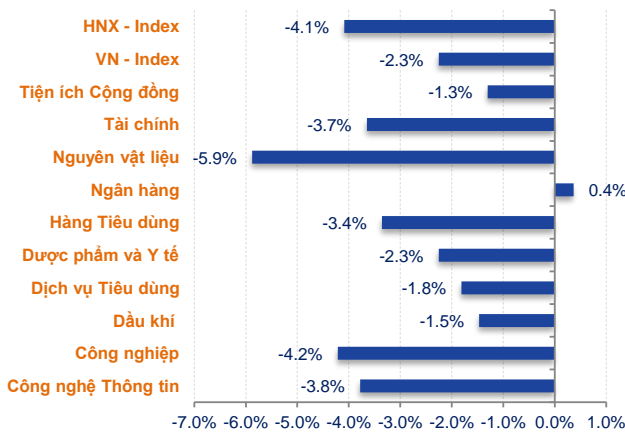
KLGD và VN-Index trong phiên



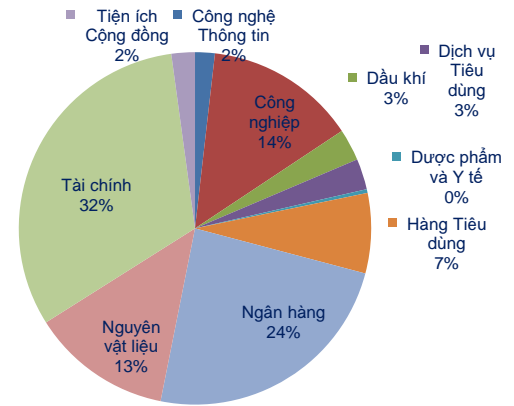
KLGD và HNX-Index trong phiên



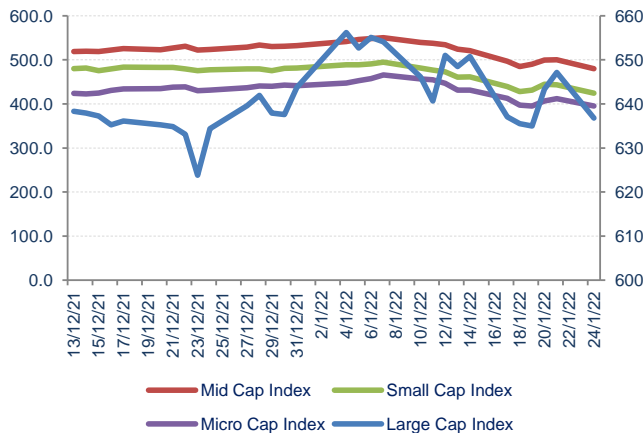
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



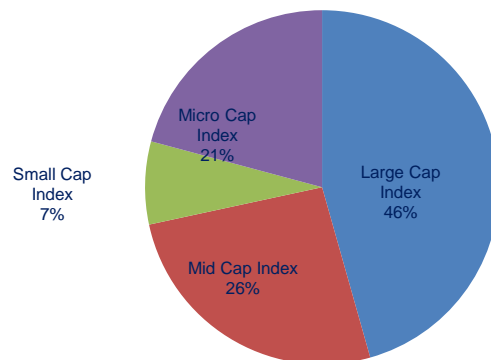
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,894,200	VIC	2,192,700
2	SSI	1,320,900	HPG	2,005,800
3	VND	1,218,200	HQC	1,061,900
4	VHM	805,000	DLG	1,028,700
5	VDS	767,000	VCI	954,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	198,400	KLF	269,500
2	PVS	171,800	NTP	180,000
3	TNG	54,300	THD	44,400
4	CEO	50,418	NSH	20,500
5	LAS	35,000	APS	19,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	31.80	32.10	↑ 0.94%	34,158,700
HPG	43.30	40.70	↓ -6.00%	32,655,200
HAG	13.65	12.70	↓ -6.96%	31,142,300
STB	34.60	33.30	↓ -3.76%	30,187,300
FLC	12.90	12.00	↓ -6.98%	26,869,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.60	6.00	↓ -9.09%	17,061,505
CEO	62.70	57.00	↓ -9.09%	10,548,732
PVS	29.50	29.00	↓ -1.69%	10,347,381
SHS	41.00	36.90	↓ -10.00%	9,220,198
IDC	64.80	59.50	↓ -8.18%	5,181,173

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCP	26.00	27.80	1.80	↑ 6.92%
CCI	25.35	27.10	1.75	↑ 6.90%
EMC	18.55	19.80	1.25	↑ 6.74%
SVC	109.00	116.30	7.30	↑ 6.70%
TGG	12.00	12.80	0.80	↑ 6.67%

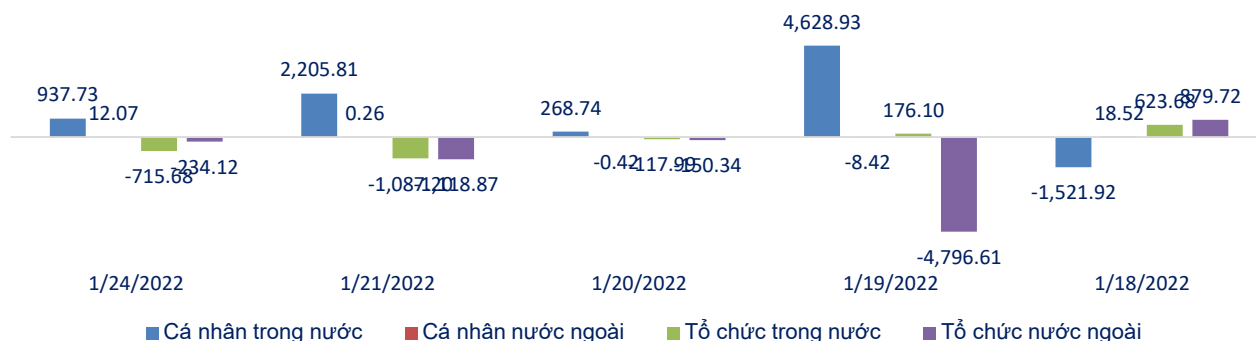
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BCF	36.00	39.60	3.60	↑ 10.00%
VBC	30.20	33.20	3.00	↑ 9.93%
LUT	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
BII	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%
PPY	16.50	18.00	1.50	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VND	65.80	61.20	-4.60	↓ -6.99%
TSC	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%
QCG	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%
PAN	30.75	28.60	-2.15	↓ -6.99%
NLG	52.90	49.20	-3.70	↓ -6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
API	68.00	61.20	-6.80	↓ -10.00%
TAR	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
SHS	41.00	36.90	-4.10	↓ -10.00%
KDM	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
LIG	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	223.47	2.9%	1,111	86.0	2.2
MSB	145.33	20.8%	2,652	10.1	1.5
HPG	85.95	44.7%	7,085	6.1	2.3
DGW	83.97	31.6%	4,739	20.1	5.8
VCB	77.24	20.4%	4,464	20.0	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-86.98	18.1%	3,439	10.3	1.8
VND	-78.78	19.6%	2,087	31.5	3.4
SSI	-42.91	13.0%	1,404	31.7	3.2
VHM	-27.04	38.3%	8,968	8.9	2.9
VDS	-26.30	13.6%	1,428	23.8	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	14.98	0.2%	69	493.9	1.0
HPG	4.41	44.7%	7,085	6.1	2.3
VND	3.78	19.6%	2,087	31.5	3.4
SSI	2.60	13.0%	1,404	31.7	3.2
VNM	1.92	31.0%	5,037	16.4	5.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-7.55	24.6%	6,071	21.9	5.1
VCB	-7.25	20.4%	4,464	20.0	3.0
CTG	-4.41	18.1%	3,439	10.3	1.8
BID	-3.30	12.0%	1,975	24.0	2.2
DGW	-1.86	31.6%	4,739	20.1	5.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	18.96	18.1%	3,439	10.3	1.8
PAN	16.93	3.4%	1,006	30.6	1.1
GMD	14.64	6.9%	1,554	27.0	1.9
HSG	14.38	48.0%	8,817	3.7	1.5
ITA	13.42	1.5%	174	88.2	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-145.22	20.8%	2,652	10.1	1.5
VCB	-120.42	20.4%	4,464	20.0	3.0
TCB	-72.29	21.3%	4,965	10.0	2.0
KBC	-54.84	6.0%	1,497	36.2	2.0
MBB	-50.38	20.3%	2,943	10.8	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	72.42	18.1%	3,439	10.3	1.8
VND	71.73	19.6%	2,087	31.5	3.4
VHM	62.98	38.3%	8,968	8.9	2.9
SSI	53.18	13.0%	1,404	31.7	3.2
VCB	50.44	20.4%	4,464	20.0	3.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-202.97	2.9%	1,111	86.0	2.2
HPG	-88.92	44.7%	7,085	6.1	2.3
DGW	-82.98	31.6%	4,739	20.1	5.8
VCI	-53.68	18.0%	2,085	27.8	3.0
PVD	-22.54	0.2%	69	493.9	1.0



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	34,158,700	20.3%	2,943	10.8	2.0
HPG	32,655,200	3250.0%	7,085	6.1	2.3
HAG	31,142,300	-18.4%	(1,220)	-	2.6
STB	30,187,300	11.1%	1,864	18.6	2.0
FLC	26,869,500	13.1%	1,967	6.6	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	17,061,505	0.1%	6	1,086.1	0.6
CEO	10,548,732	-4.7%	(606)	-	5.0
PVS	10,347,381	4.6%	1,238	23.8	1.1
SHS	9,220,198	25.5%	3,006	13.6	2.1
IDC	5,181,173	11.8%	1,805	35.9	4.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCP	↑ 6.9%	10.8%	1,569	16.6	1.7
CCI	↑ 6.9%	11.7%	1,878	13.5	1.6
EMC	↑ 6.7%	2.0%	207	89.5	1.7
SVC	↑ 6.7%	8.7%	4,614	23.6	2.1
TGG	↑ 6.7%	22.8%	2,317	5.2	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BCF	↑ 10.0%	20.0%	2,375	15.2	2.9
VBC	↑ 9.9%	20.4%	3,748	8.1	1.6
LUT	↑ 9.9%	0.6%	72	112.0	0.7
BII	↑ 9.6%	2.8%	265	35.5	0.9
PPY	↑ 9.1%	12.6%	1,955	8.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,894,200	18.1%	3,439	10.3	1.8
SSI	1,320,900	13.0%	1,404	31.7	3.2
VND	1,218,200	19.6%	2,087	31.5	3.4
VHM	805,000	38.3%	8,968	8.9	2.9
VDS	767,000	13.6%	1,428	23.8	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	198,400	11.2%	3,722	12.4	1.5
PVS	171,800	4.6%	1,238	23.8	1.1
TNG	54,300	17.8%	2,725	11.3	1.8
CEO	50,418	-4.7%	(606)	-	5.0
LAS	35,000	5.2%	593	26.1	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	422,140	20.4%	4,464	20.0	3.0
VIC	363,398	2.9%	1,111	86.0	2.2
VHM	345,737	38.3%	8,968	8.9	2.9
BID	239,521	12.0%	1,975	24.0	2.2
GAS	205,558	17.1%	4,531	23.7	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,675	25.2%	4,694	36.3	10.3
KSF	29,280	8.8%	745	131.0	4.9
IDC	19,440	11.8%	1,805	35.9	4.1
NVB	17,818	0.0%	3	9,336.5	3.0
VCS	17,568	41.5%	11,163	9.8	3.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDI	3.97	2.7%	363	34.8	0.9
SJF	3.88	0.5%	51	232.8	1.1
FLC	3.55	13.1%	1,967	6.6	0.9
DXV	3.54	-3.1%	(336)	-	0.7
GEX	3.51	8.6%	1,754	21.9	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.52	9.9%	475	26.1	2.4
CEO	2.43	-4.7%	(606)	-	5.0
L14	2.00	13.6%	1,987	193.4	23.3
APS	1.94	15.2%	946	32.9	2.6
ART	1.90	0.1%	16	685.7	1.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
